

Bản án số: 24/2018/HSST
Ngày 25 tháng 9 năm 2018

NHÂN DANH

N- □C C□NG H□A X□ H□I CH□ NGH□A VI□T NAM
TOÀ □N NHÂN DÂN HUY□N B□ TH- □C T□NH THANH HO□
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Trần Thị Quyên.

Các Hội thẩm nhân dân :

1. Ông Nguyễn Văn Đàn
2. Ông Nguyễn Thanh Thùy

Th- ký ghi biên bản phiên toà: Bà Cao Thị Nhung - Th- ký Tòa án, Toà án nhân dân huyện Bá Th-óc

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Th-óc tham gia phiên toà :

Bà Trần Thị Nguyệt: Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 9 năm 2017; Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bá Th-óc; Xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 23/2017/HSST ngày 17/8/2018.

Đối với bị cáo: **Bùi Thị C** Sinh năm 1978 (có mặt).

Nơi đăng ký nhân khẩu th-ờng trú: Thôn H , xã T Ớ , huyện B T - tỉnh Thanh Hoá.

Chỗ ở hiện nay: Thôn H , xã T Ớ , huyện B T - tỉnh Thanh Hoá.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 5/12.

Dân tộc: M-ờng; Tôn giáo: Không; Quốc tịch :Việt Nam.

Con ông: Bùi Văn H (đã chết) và bà Hà Thị N sinh năm 1947

Gia đình có 07 anh chị em bị cáo là con thứ năm,

Chung sống như vợ chồng với anh Hà Thanh L có hai con chung là Hà Thị A sinh năm 1996 và Hà Thị Đ sinh năm 2003.

Bùi Thị C sau khi bỏ nhà đi khỏi địa P lấy tên là Hà Thị Lan A sinh năm 1984. Từ 25/10/ 2010 Hà Thị Lan A đăng ký kết hôn với Linh Hồng L sinh năm 1985 và có 01 con chung sinh năm 2011. Ngày 10/1/2012 thì được Công an tỉnh Quảng Ninh cấp giấy chứng minh nhân dân, ngày 05/7/2013 thì nhập khẩu vào hộ khẩu của Linh Hồng L . Quá trình nhập khẩu thực hiện thủ tục hành chính đúng theo quy định của pháp luật. Từ năm 2010 đến tháng 5 năm 2018 Hà Thị Lan A sinh năm 1984 đăng ký thường trú tại thôn K T , xã K T , huyện H B , tỉnh Quảng Ninh sinh sống tại đây không vi phạm pháp luật.

Ngày 28/5/2018 Bùi Thị C bị bắt theo lệnh truy nã số: 03 ngày 12/9/2009 của cơ quan CSĐT Công an huyện B T . Hiện nay bị cáo đang bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 28/5/2018 đến nay.

Ng- ời bào chữa cho bị cáo: ÔngTrịnh Văn Thịnh- Trợ giúp viên pháp lý Trung Tâm trợ giúp pháp lý Nhà n- ớc tỉnh Thanh Hóa (có mặt).

Bị hại: Hợp tác xã Đồng T

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Văn Đ Chức vụ - Giám đốc (vắng mặt).

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Anh Trương Văn L sinh năm 1975(có mặt)

Anh Hà Văn T sinh năm 1969 (vắng mặt)

Chị Phạm Thị O sinh năm 1964 (vắng mặt)

Chị Trương Thị L sinh năm 1957 (có mặt)

Anh Hà Văn L sinh năm 1977 (có mặt)

Đều trú tại Thôn H , xã T Ó , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng: Ông Cao Văn M sinh năm 1962 (có mặt)

Ông Bùi Đình N sinh năm 1955(vắng mặt)

Chị Hà Thị A sinh năm 1996 (vắng mặt)

Đều cư trú tại xã T Ó , huyện B T , tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau;

Đầu năm 2009 Hợp tác xã Đồng T , xã T Ó , huyện B T c thực hiện phương án sản xuất kinh doanh trồng và chăm sóc luồng, làm nầm theo chương trình dự án LDP/GRET. Hợp tác xã có thu lợi nhuận kinh doanh hàng tháng . Các xã viên thuộc thôn H , xã T Ó được ứng vốn để kinh doanh trồng luồng, chăm sóc luồng và làm nầm. Năm 2009 các thành viên vay vốn thôn H , xã T Ó đã cử Bùi Thị C làm tổ trưởng vay vốn với Hợp tác xã. Chiên có nhiệm vụ nhận tiền vay từ HTX và giải ngân cho các tổ viên theo danh sách được duyệt của Hội đồng quản trị và thu lợi nhuận cho HTX. Trong thời gian làm tổ trưởng vay vốn, Bùi Thị C đã ký hai hợp đồng trách nhiệm với HTX. Tại phiếu chỉ số 06 ngày 01/01/2009 của HTX Đồng T , Bùi Thị C ứng 82.000.000đ (Tám mươi hai triệu đồng) để cấp cho 10 hộ theo danh sách kèm theo, thời hạn vay 12 tháng kể từ 01/1/2009 đến 25/12/2009.

Tại hợp đồng ngày 01/07/2009 Bùi Thị C có ứng 65.000.000đ (Sáu mươi lăm triệu đồng) để cấp cho 10 hộ có danh sách kèm theo thời hạn vay từ 01/7/2009 đến 25/12/2009.Tổng số tiền Bùi Thị C ứng từ HTX Đồng T là 147.000.000đ (Một trăm bốn mươi bảy triệu đồng) với lãi suất 2,5%tháng. Sau khi ứng tiền của HTX Đồng T 147.000.000đ đã giải ngân cho các tổ viên được 98.000.000đ (Chín mươi tám triệu đồng) trong đó 56.000.000đ (Năm mươi sáu triệu đồng) là của Hợp đồng ứng ngày 01/01/2009 và 42.000.000đ (Bốn mươi hai triệu đồng) của hợp đồng ứng ngày 01/07/2009. Chiên đã giao nộp của HTX Đồng T tiền lãi và tiền gốc của 98.000.000đ. Số tiền 49.000.000đ (Bốn mươi chín triệu đồng) sử dụng vào mục đích kinh doanh nầm cho gia đình. Đến ngày 25/12/2009 đến hạn hợp đồng vay vốn Bùi Thị C phải trả 49.000.000đ. Nhưng Bùi Thị C đã không trả được số tiền 49.000.000đ mà bỏ đi khỏi địa phương từ cuối tháng 9 năm 2009.

Quá trình điều tra thì xác định số vốn Bùi Thị C chỉ giải ngân một phần tiền cho các tổ viên theo danh sách được duyệt cụ thể như sau;

Trương Văn L 8.000.000đ (thực tế chỉ giải ngân cho anh L 4.000.000đ),

Anh Hà Văn T 8.000.000đ (nhưng thực tế chỉ giải ngân cho anh T 2.000.000đ).

Phạm Thị O 5.000.000đ nhưng thực tế Chiên không giải ngân cho chị O,

Trương Thị L 8.000.000đ nhưng thực tế không giải ngân cho chị L

Hợp đồng của bản thân Bùi Thị C 18.000.000đ

Hà Văn L 8.000.000đ nhưng thực tế Bùi Thị C giải ngân cho anh L có 6.000.000đ .

Số tiền anh L vay đã đưa cho Bùi Thị C trả cho Hợp tác xã, C đã không nộp cho HTX Đồng T.

Đến 31/12/2009 thì HTX Đồng T lập danh sách những xã viên hợp tác xã do Bùi Thị C quản lý còn nợ là 49.000.000đ (gồm có của Bùi Thị C 18.000.000đ, Trương Văn L 4.000.000đ, Hà Văn Tý 6.000.000đ, Phạm Thị O 5.000.000đ, Trương Thị L 8.000.000đ và Hà Văn L 8.000.000đ).

Ngày 29/4/2018 HĐQT Hợp tác xã Đồng T họp thống nhất yêu cầu Bùi Thị C hoàn trả số tiền gốc 49.000.000đ không yêu cầu trả lãi.

Trách nhiệm dân sự : Sau khi không có khả năng trả nợ Bùi Thị C đã bỏ đi khỏi địa phương làm thuê dành dụm tiền và gửi về cho con gái Hà Lan A nộp chop HTX Đồng T vào ngày 28/2/2018 là 35.000.000đ (ba mươi lăm triệu đồng) (BL105) và ngày 29/4/2018 nộp cho HTX 14.000.000đ (Mười bốn triệu đồng) (BL104).

Tại cáo trạng số: 25/CT-VKSBT-KT ngày 16/8/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước đã truy tố Bùi Thị C về tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 140 BLHS năm 1999.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140, các điểm b, p, h khoản 1 và khoản 2 Điều 46; Điều 33 BLHS năm 1999 đề nghị xử phạt bị cáo Bùi Thị ừ 04 đến 06 tháng tù, thời gian tạm giữ, tạm giam được trừ vào thời hạn chấp hành án.

Áp dụng khoản 5 Điều 140 BLHS 1999 đề nghị phạt bổ sung bị cáo Bùi Thị C từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ sung công quỹ Nhà nước.

Người bào chữa cho bị cáo đồng tình với quan điểm truy tố và luận tội của VKS đề nghị HĐXX cho bị cáo hưởng mức án thấp nhất của khung hình phạt. Vì hoàn cảnh của bị cáo khó khăn nên đề nghị HĐXX xử phạt bổ sung bị cáo với mức tiền thấp nhất theo khung hình phạt.

NHÂN QUÂN CUỐI TỌA QU:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án và kết quả đã được tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Hành vi “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” xảy ra từ năm 2009. Do bị cáo bỏ đi khỏi địa phương từ cuối năm 2009. Ngày 28/5/2018 bị bắt theo lệnh truy nã. Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Điều tra viên, kiểm sát viên, thẩm phán, thư ký và HĐXX đã điều tra, truy tố và xét xử

theo quy định của Bộ luật hình sự năm 1999 và Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 là chính xác.

[2.] Về nội dung vụ án: Do có sự tín nhiệm của các xã viên nên Bùi Thị C được cử làm tổ trưởng vay vốn và sự tín nhiệm của HTX Đồng T. C có trách nhiệm làm hồ sơ vay vốn cho các xã viên HTX sau khi được ban quản trị duyệt thì có trách nhiệm giải ngân cho các xã viên theo danh sách đã duyệt cho vay, đồng thời C có trách nhiệm thu vốn và lãi khi đến hạn nộp về cho HTX. Trong quá trình làm hồ sơ vay vốn của HTX. Tổng số tiền C được duyệt vay cho xã viên của tổ mình 147.000.000đ Chiên đã giải Ngân được 98.000.000đ và 18.000.000đ của bản thân còn lại 31.000.000đ C chưa giải ngân mà sử dụng vào mục đích làm nắm cho gia đình. Do làm nắm mất mùa làm ăn không có khả năng trả nợ C đã chiếm đoạt số tiền 49.000.000đ của HTX Đồng T rồi bỏ đi khỏi địa phương. Hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của Bùi Thị C đã hoàn thành. Đủ cơ sở kết luận Bùi Thị C phạm tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 140 BLHS năm 1999.

Vì vậy Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước truy tố bị cáo Bùi Thị C về tội “ Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 140 BLHS năm 1999 là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Đối với hành vi làm giả giấy tờ của Bùi Thị C, Hà Thị A sinh năm 1996 con gái Bùi Thị C ở xã Đ T, huyện B C, tỉnh Quảng Ninh và Phạm Cao K là trưởng Công an xã T Ôhuyện BTc tỉn Thanh Hóa. Mục đích để phục vụ chuyển khẩu, làm giấy chứng minh nhân dân thành một người khác che. Hiện nay cơ quan điều tra Công an huyện B T đang tiếp tục xác minh làm rõ và xử lý ở vụ án khác khi có đủ căn cứ.

Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai nhận toàn bộ về hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố .

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của HTX Đồng T và gây hoang mang trong quần chúng nhân dân, làm mất ổn định tình hình chính trị địa phương. Cần phải đưa ra xét xử trước pháp luật và xử phạt bị cáo mức hình phạt t-ong xứng với hành vi phạm tội của bị cáo đủ để giáo dục bị cáo thành ng-ời tốt và đảm bảo tính răn đe phòng ngừa tội phạm chung.

Bản thân bị cáo không có tiền án tiền sự.

Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo:

Sau khi bỏ trốn khỏi địa phương đi làm ăn bị cáo đã dành dụm tiền gửi về trả cho HTX Đồng T vào ngày 28/2/2018 là 34.000.000đ và ngày 29/4/2018 trả 15.000.000đ. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ “người phạm tội khắc phục hậu quả” quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

Quá trình điều tra truy tố, xét xử bị cáo đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của mình. HĐXX cho bị cáo h- ởng tình tiết giảm nhẹ “ng-ời phạm tội thành khẩn khai báo” quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS.

Bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h khoản 1 Điều 46 BLHS năm 1999.

HTX Đồng T có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại khoản 2 Điều 46 BLHS năm 1999.

Viện kiểm sát nhân dân huyện B T đề nghị HĐXX áp dụng điểm a khoản 1 Điều 140 BLHS tuyên bố bị cáo Bùi Thị C phạm tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và đề nghị HĐXX cho bị cáo hưởng các tình tiết giảm nhẹ: “thành khẩn khai báo” và tình tiết “tự nguyện bồi thường khác phục hậu quả” và tình tiết “phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng” theo quy định tại điểm b, h, p khoản 1, 2 Điều 46 BLHS là chính xác. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Thời gian tạm giữ, tạm giam của bị cáo sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù.

HĐXX xét thấy mức hình phạt Viện kiểm sát đề nghị xử phạt bị cáo từ 04 đến 6 tháng tù là phù hợp. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng có nhiều tình tiết giảm nhẹ HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ 28/5/2018 đến 25/9/2018 là 120 ngày tương đương với 04 tháng. HĐXX xử phạt bị cáo bằng thời hạn bị cáo đã bị tạm giữ, tạm giam và trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa).

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường xong

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật .

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo **Bùi Thị C** phạm tội “lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” .

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 140; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33 BLHS năm 1999 và khoản 5 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015

Xử phạt bị cáo: Bùi Thị C 04(bốn) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 28/5/2018 đến nay 25/9/2018. Trả tự do cho bị cáo tại phiên tòa.

Áp dụng khoản 5 Điều 140 BLHS năm 1999. Xử phạt bổ sung bị cáo Bùi Thị C 15.000.000đ sung công quỹ Nhà nước

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015; khoản 3 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Bùi Thị C phải nộp 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Trong sơ thẩm có mặt bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, vắng mặt bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (T, O). Bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận án sơ thẩm hoặc niêm yết án sơ thẩm tại UBND xã T Ổ, huyện B T, tỉnh Thanh Hóa.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- THA Dân sự;
- Phòng giám đốc án;
- Công an;
- bị cáo;
- Lu hồ sơ;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THỘM PHỎN - CHỖ TOÁN PHỎN TOÀN

Trần Thị Quyên